

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/LĐ-ST
Ngày: 20-9-2024
V/v Tranh chấp về tiền BHXH

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Bà Trần Thị Thuý Trang – Phó Phòng Lao động Thương binh và xã hội thành phố Sóc Trăng.

2/. Bà Nguyễn Bạch Nhạn – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Ngọc Hân là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 09/2024/TLST-LĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024 về Tranh chấp về tiền BHXH theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 476/2024/QĐXXST-LĐ ngày 23/8/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thạch Thị V, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Hẻm B, đường T, khóm T, Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn K; Địa chỉ: số E, đường Q, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo pháp luật:

1. Ông Đỗ Ngọc Q - Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn K. Người đại diện hợp pháp của ông Đỗ Ngọc Q:

Bà Huỳnh Ngọc H; địa chỉ: Số A đường Q, Phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền ngày 03/6/2024. (vắng mặt)

2. Bà Đỗ Thị Ngọc T - Chức danh: Phó Tổng giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn K; Địa chỉ: số E, đường Q, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội tỉnh K;

Địa chỉ: Số B N, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Trọng L - Chức vụ: Trưởng phòng quản lý T – Sở, Thẻ Bảo hiểm xã hội tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền ngày 12/9/2024

Địa chỉ: Số B, đường N, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 03/5/2024 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Thạch Thị V trình bày:

Bà Thạch Thị V vào làm công nhân tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn K (sau đây viết tắt là Công ty K) theo Hợp đồng lao động được ký vào ngày 01/10/2018. Theo hợp đồng, chế độ bảo hiểm xã hội (sau đây viết tắt là BHXH) và bảo hiểm y tế hai bên thỏa thuận thực hiện theo chế độ hiện hành, bà V có tham gia BHXH số sổ BHXH là 9423219284. Trong thời gian làm việc tại Công ty, hàng tháng Công ty K đều trích tiền lương của bà V để đóng tiền BHXH cho đến khi Công ty cho bà nghỉ việc vào ngày 03/4/2024.

Sau khi nhận quyết định thôi việc, bà V đến BHXH tỉnh S để chốt sổ bảo hiểm thì không chốt được. Do Công ty K chỉ đóng BHXH cho bà V đến hết tháng 12/2020 và còn nợ lại tiền BHXH chưa đóng từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/3/2024 là 03 năm 03 tháng với số tiền là: 55.101.984 đồng.

Nay bà Thạch Thị V yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn K phải đóng đủ số tiền 55.101.984 đồng cho bảo hiểm xã hội mà Công ty K còn nợ từ tháng 01/2021 đến tháng 4/2024, để bà V được chốt sổ bảo hiểm và nhận đủ quyền lợi khi tham gia BHXH.

Tại buổi hoà giải ngày 24/7/2024 người đại diện hợp pháp của Công ty K là bà Huỳnh Ngọc H trình bày:

Công ty K thừa nhận bà Thạch Thị V là công nhân của Công ty TNHH K từ ngày 01/7/2018 đến ngày 03/04/2024. Giữa bà V và Công ty TNHH K có ký kết

hợp đồng lao động ngày 01/7/2018, theo đó, chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế hai bên thỏa thuận thực hiện theo chế độ hiện hành. Bà **V** có tham gia Bảo hiểm xã hội, số sổ BHXH là 9423219284. Đến ngày 03/04/2024, thì bà **V** nghỉ việc tại **Công ty TNHH K** theo Quyết định thôi việc ngày 03/04/2024.

Từ 01/2021 đến tháng 3/2024, mặc dù hàng tháng công ty đều có trích trừ lương của bà **V** (10,5% mức lương cơ bản) để nộp tiền BHXH tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch bệnh **C** -19 nên việc kinh doanh của **Công ty TNHH K** gặp khó khăn do đó, **Công ty TNHH K** vẫn còn đang giữ số tiền trích nộp BHXH của bà **V**. Tính ngày 15/7/2024, **Công ty TNHH K** có nợ lại tiền BHXH của người lao động trong đó có bà **Thạch Thị V**, với số tiền 55.654.938 đồng (trong đó bao gồm tiền gốc và tiền lãi chậm nộp).

Hiện nay **Công ty trách nhiệm hữu hạn K** đang khiếu nại đến **Bảo hiểm xã hội tỉnh K** để yêu cầu **Bảo hiểm xã hội tỉnh K** miễn tiền lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội cho **Công ty trách nhiệm hữu hạn K** theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg, ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19. Tuy nhiên, đến nay **Công ty trách nhiệm hữu hạn Kim Anh và Bảo hiểm xã hội tỉnh K** vẫn chưa thống nhất.

Trường hợp, **Bảo hiểm xã hội tỉnh K** đồng ý miễn tiền lãi chậm nộp thì **Công ty TNHH K** sẽ có phương án nộp đủ tiền bảo hiểm xã hội cho người lao động.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của bà **V**, **Công ty TNHH K** có ý kiến như sau:

Công ty TNHH K có nợ lại tiền BHXH của bà **Thạch Thị V**, từ tháng 01/2021 đến tháng 3/2024 với số tiền 55.654.938 đồng (Trong đó số tiền chậm đóng là 47.424.000 đồng và số tiền lãi là 8.230.938 đồng). Đối với số tiền chậm đóng thì **Công ty TNHH K** đồng ý đóng cho người lao động, còn số tiền lãi chậm đóng thì **Công ty TNHH K** yêu cầu BHXH miễn cho Công ty.

Việc nguyên đơn khởi kiện **Công ty TNHH K** là không đúng đối tượng. Do **Công ty TNHH K** chỉ nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội với Bảo hiểm xã hội, công ty không có nợ tiền của người lao động. Trường hợp bà **V** muốn yêu cầu giải quyết thì

liên hệ Bảo hiểm xã hội tỉnh Sóc Trăng để được giải quyết.

Người đại diện hợp pháp của BHXH tỉnh S trình bày:

Công ty K đã đóng BHXH bắt buộc cho bà Thạch Thị V từ tháng 11/2018 đến ngày 31/12/2020 và được cơ quan BHXH tỉnh S cấp Sổ BHXH mã số 9423219284. Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/3/2024 Công ty C1 đóng quỹ bảo hiểm cho bà V số tiền là 47.424.000 đồng (gồm: BHXH là 37.050.000 đồng; BHYT là 6.669.000 đồng; BHTN là 2.964.000 đồng; BHTNLĐ, BNN là 741.000 đồng).

Tại Khoản 3 Điều 122 Luật BHXH năm 2014 quy định: “Người sử dụng lao động có hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, Điều 17 Luật BHXH năm 2014 “Chậm đóng tiền BHXH, bảo hiểm thất nghiệp” từ 30 ngày trở lên thì ngoài việc phải đóng đủ số tiền chưa đóng, chậm đóng và bị xử lý theo quy định của pháp luật, còn phải nộp số tiền lãi bằng 02 lần mức lãi suất đầu tư quỹ BHXH bình quân của năm trước liền kề tính trên số tiền, thời gian chậm đóng...”. Do đó, Bảo hiểm xã hội tỉnh Sóc Trăng đã tính lãi chậm đóng trên số tiền 47.424.000 đồng mà Công ty K chậm đóng cho bà V.

Đối với việc Công ty K yêu cầu miễn tiền lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội cho Công ty theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 là không có căn cứ và BHXH tỉnh S đã có văn bản trả lời cho Công ty K. Bởi vì, hai văn bản trên không áp dụng đối với trường hợp doanh nghiệp nộp tiền BHXH cho người lao động.

Do Công ty K chậm đóng tiền BHXH cho người lao động nên BHXH tỉnh S không có cơ sở chốt sổ BHXH cho bà V.

** Tại phiên toà:*

- Nguyên đơn bà Thạch Thị V thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: bà V yêu cầu Công ty K xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội và đóng đủ số tiền chậm đóng bảo hiểm xã hội cho bà V từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/3/2024 là 47.424.000 đồng và tiền lãi chậm đóng theo quy định pháp luật để bà Thạch Thị V được chốt sổ bảo hiểm và nhận đủ quyền lợi khi tham gia BHXH.

- Ý kiến của người đại diện hợp pháp của BHXH tỉnh S là ông Nguyễn Trọng L: Tính đến tháng 9 năm 2024 thì Công ty K vẫn chưa đóng BHXH cho bà V và còn nợ số tiền chậm đóng quỹ bảo hiểm xã hội từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/3/2024 là 47.424.000 đồng, cụ thể: bảo hiểm xã hội (gồm quỹ hưu trí, tử tuất, ốm đau, thai sản) là 37.050.000 đồng; bảo hiểm y tế là 6.669.000 đồng; bảo hiểm thất nghiệp là

2.964.000 đồng; bảo hiểm thất nghiệp lao động - bệnh nghề nghiệp là 741.000 đồng và tiền lãi chậm đóng tính đến ngày 20/9/2024 là 9.318.519 đồng. Tổng cộng là 56.742.519 đồng. Trường hợp, Công ty K đóng đủ tiền BHXH và tiền lãi chậm đóng cho bà V theo quy định thì BHXH tỉnh S sẽ thực hiện chốt sổ và giải quyết quyền lợi cho bà V theo quy định pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng theo quy định tại các điều 68; 70, 71, 73 và 86 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị V buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn K đóng quỹ bảo hiểm xã hội cho bà V từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/3/2024, với số tiền chậm đóng là 47.424.000 đồng, cụ thể: bảo hiểm xã hội (gồm quỹ hưu trí, tử tuất, ốm đau, thai sản) là 37.050.000 đồng; bảo hiểm y tế là 6.669.000 đồng; bảo hiểm thất nghiệp là 2.964.000 đồng; bảo hiểm thất nghiệp lao động - bệnh nghề nghiệp là 741.000 đồng và số tiền lãi chậm đóng theo quy định, để bà Thạch Thị V được chốt sổ bảo hiểm và nhận đủ quyền lợi khi tham gia BHXH.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn K đóng tiền BHXH cho bà và tiền lãi chậm đóng theo quy định, bị đơn có trụ sở tại thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nên đây là tranh chấp về lao động, quan hệ tranh chấp giải quyết là “Tranh chấp về tiền bảo hiểm xã hội” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty K đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa, bà Thạch Thị V thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể bà V yêu cầu Công ty K chốt thời gian bảo hiểm xã hội và đóng tiền bảo hiểm xã hội cho bà từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/3/2024 với số tiền là 47.424.000 đồng và tiền lãi chậm đóng theo quy định pháp luật. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, nên được chấp nhận.

Về nội dung:

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận bà Thạch Thị V làm công nhân của Công ty K theo Hợp đồng lao động được kí vào ngày 01/10/2018. Đến ngày 03/4/2024, bà V nghỉ việc tại Công ty K theo Quyết định số 01/QĐN.T4.24 ngày 03/4/2024. Bà V có tham gia BHXH, số sổ BHXH là 9423219284 và Công ty K đã đóng BHXH bắt buộc cho bà V từ tháng 11/2018 đến ngày 31/12/2020. Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/3/2024, hàng tháng Công ty vẫn trích lương của bà V để đóng bảo hiểm nhưng đến nay vẫn chưa đóng và còn nợ lại số tiền BHXH chậm đóng là 47.424.000 đồng. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đây là tình tiết không phải chứng minh.

[5]. Về tính hợp pháp của Hợp đồng lao động ngày 01/10/2018 thì thấy, các bên đều có đủ tư cách chủ thể, có đủ năng lực hành vi dân sự nên chủ thể tham gia ký kết hợp đồng là hợp pháp. Về hình thức và nội dung của hợp đồng đảm bảo đúng quy định tại các Điều 15, 16, 22, 23 Bộ luật Lao động năm 2012. Do đó, quan hệ lao động giữa bà V và Công ty K là hợp pháp theo quy định tại Điều 7 của Bộ luật Lao động, nên bà V và Công ty K phải có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Luật Bảo hiểm Xã hội nhằm đảm bảo cho người lao động là bà V được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội khi làm việc cũng như khi nghỉ việc tại công ty theo quy định tại Điều 4 của Luật Bảo hiểm Xã hội, bao gồm các loại quỹ bảo hiểm bắt buộc sau: bảo hiểm xã hội (quỹ hưu trí, tử tuất, ốm đau, thai sản), bảo hiểm thất nghiệp lao động - bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế theo quy định tại Điều 168 của Bộ luật Lao Động năm 2019; Điều 19, Điều 21, Điều 85, Điều 86 của Luật Bảo hiểm Xã hội; Điều 12, Điều 13, Điều 15 của Luật Bảo hiểm Y tế; Khoản 4 Điều 3, Điều 43, Điều 44, Điều 45, Điều 57, Điều

58 của Luật Việc làm; Điều 41, Điều 43, Điều 44 của Luật An toàn, Vệ sinh Lao động.

[6]. Tại Quyết định số 01/QĐN.T4.24 ngày 03/4/2024 của Công ty K về việc chấp thuận cho bà Thạch Thị V nghỉ việc từ ngày 03/4/2024 nên Công ty K phải có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cho người lao động là bà V đến hết tháng 3/2024 theo quy định.

[7] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc Công ty K đóng BHXH cho bà từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/3/2024 với số tiền chậm đóng là 47.424.000 đồng, thì thấy: Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận từ ngày 01/01/2021 đến khi bà V nghỉ việc ngày 03/4/2024 thì hàng tháng Công ty K đều trừ lương của bà V nhưng chưa đóng BHXH cho bà và số tiền BHXH mà Công ty K chậm đóng cho bà V là 47.424.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, BHXH tỉnh S xác định Công ty K còn nợ tiền BHXH của bà V từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/3/2024 với số tiền chậm đóng là 47.424.000 đồng, bao gồm các loại quỹ bảo hiểm: bảo hiểm xã hội (gồm quỹ hưu trí, tử tuất, ốm đau, thai sản) là 37.050.000 đồng; bảo hiểm y tế là 6.669.000 đồng; bảo hiểm thất nghiệp là 2.964.000 đồng; bảo hiểm thất nghiệp lao động - bệnh nghề nghiệp là 741.000 đồng.

Tại Khoản 5 Điều 21 của Luật Bảo hiểm Xã hội quy định về trách nhiệm của người sử dụng lao động “5. Phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội trả số bảo hiểm xã hội cho người lao động, xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc hoặc thôi việc theo quy định của pháp luật.”

Khoản 3 Điều 48 của Bộ luật Lao động thì người sử dụng lao động có trách nhiệm: “Hoàn thành thủ tục xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và trả lại cùng với bản chính giấy tờ khác nếu người sử dụng lao động đã giữ của người lao động”.

Khoản 3 Điều 18 của Nghị định 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm Xã hội quy định: “Người sử dụng lao động có trách nhiệm đóng đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bao gồm cả tiền lãi chậm đóng theo quy định đối với người lao động đủ điều kiện hưởng bảo hiểm xã hội hoặc chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc để kịp thời giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động.”

Như vậy, Công ty K đã vi phạm quy định về đóng tiền BHXH cho người lao động nên việc bà V yêu cầu Công ty K đóng tiền BHXH cho bà từ ngày 01/01/2021

đến ngày 31/3/2024 với số tiền chậm đóng là 47.424.000 đồng, bao gồm các loại quỹ bảo hiểm: bảo hiểm xã hội (gồm quỹ hưu trí, tử tuất, ốm đau, thai sản) là 37.050.000 đồng; bảo hiểm y tế là 6.669.000 đồng; bảo hiểm thất nghiệp là 2.964.000 đồng; bảo hiểm thất nghiệp lao động - bệnh nghề nghiệp là 741.000 đồng là có căn cứ, được chấp nhận.

[8] Về tiền lãi chậm đóng bảo hiểm xã hội thấy rằng:

Tại Khoản 2 Điều 21 của Luật Bảo hiểm Xã hội quy định về trách nhiệm của người sử dụng lao động: “*Đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại Điều 86 và hằng tháng trích từ tiền lương của người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 85 của Luật này để đóng cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm xã hội*” và tại khoản 3 Điều 122 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 quy định: “*Người sử dụng lao động có hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 17 của Luật này từ 30 ngày trở lên thì ngoài việc phải đóng đủ số tiền chưa đóng, chậm đóng và bị xử lý theo quy định của pháp luật, còn phải nộp số tiền lãi bằng 02 lần mức lãi suất đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội bình quân của năm trước liền kề tính trên số tiền, thời gian chậm đóng; nếu không thực hiện thì theo yêu cầu của người có thẩm quyền, ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, kho bạc nhà nước có trách nhiệm trích từ tài khoản tiền gửi của người sử dụng lao động để nộp số tiền chưa đóng, chậm đóng và lãi của số tiền này vào tài khoản của cơ quan bảo hiểm xã hội*”.

Theo quy định trên thì người sử dụng lao động phải có trách nhiệm đóng quỹ bảo hiểm xã hội cho người lao động, nếu người sử dụng lao động chậm đóng bảo hiểm xã hội từ 30 ngày trở lên thì ngoài việc phải đóng đủ số tiền chưa đóng, chậm đóng và bị xử lý theo quy định của pháp luật, còn phải nộp số tiền lãi bằng 02 lần mức lãi suất đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội bình quân của năm trước liền kề tính trên số tiền, thời gian chậm đóng. Công ty K thừa nhận từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/3/2024 hàng tháng công ty đều trích từ tiền lương của bà V để đóng quỹ BHXH nhưng đến nay vẫn chưa đóng do đó Công ty K ngoài việc phải đóng đủ số tiền chưa đóng còn phải chịu tiền lãi chậm đóng cho cơ quan bảo hiểm xã hội theo quy định về pháp luật bảo hiểm để đơn vị bảo hiểm thực hiện việc chốt sổ và chi trả chế độ bảo hiểm cho bà V.

[9]. Đối với yêu cầu của Công ty K về việc yêu cầu BHXH tỉnh S miễn tiền lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội cho Công ty theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 và giãn thời hạn nộp tiền BHXH theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày

11/11/2015 của Chính phủ, thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, Bảo hiểm xã hội tỉnh Sóc Trăng không đồng ý với đề nghị này của Công ty và cho rằng việc Bảo hiểm xã hội tỉnh Sóc Trăng tính các khoản tiền lãi chậm nộp theo đúng quy định của pháp luật và **Bảo hiểm xã hội tỉnh K** không có thẩm quyền giải quyết theo yêu cầu của Công ty. Do đó, việc **Công ty K** yêu cầu miễn tiền lãi chậm nộp là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[10] Như đã phân tích trên, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 47.424.000 đồng x 3% = 1.422.720 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 32; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280, Khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 2 Điều 6; Điều 48; Điều 168 của Bộ luật Lao động năm 2019; Điều 19, Khoản 5 Điều 21; Điều 85; Điều 86; Khoản 3 Điều 122 của Luật Bảo hiểm Xã hội; Điều 15; Điều 19 của Luật Bảo hiểm Y tế; Khoản 4 Điều 3; Điều 44; Điều 45 của Luật Việc làm; Điều 41; Điều 43 của Luật An toàn, Vệ sinh Lao động.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Thạch Thị V**.

Buộc **Công ty trách nhiệm hữu hạn K** phải đóng tiền bảo hiểm xã hội cho bà **Thạch Thị V**, số sổ Bảo hiểm xã hội 9423219284, với số tiền là 47.424.000 đồng {bao gồm bảo hiểm xã hội (quỹ hưu trí, tử tuất, ốm đau, thai sản) là 37.050.000 đồng; bảo hiểm y tế là 6.669.000 đồng; bảo hiểm thất nghiệp là 2.964.000 đồng; bảo hiểm thất nghiệp lao động - bệnh nghề nghiệp là 741.000 đồng}.

Công ty trách nhiệm hữu hạn K còn phải chịu lãi suất do chậm đóng bảo hiểm xã hội cho cơ quan bảo hiểm xã hội với mức lãi suất theo quy định pháp luật về

bảo hiểm xã hội tương ứng với thời gian chậm đóng. Số tiền lãi cụ thể phải đóng của Công ty trách nhiệm hữu hạn Kim Anh do Bảo hiểm Xã hội tỉnh K thu tại thời điểm Công ty trách nhiệm hữu hạn K nộp tiền BHXH để làm thủ tục xác nhận (chốt sổ) thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho bà Thạch Thị V.

2. Về án phí lao động sơ thẩm:

Công ty trách nhiệm hữu hạn K phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 1.422.720 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế được thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- TAND T. Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thuý Uyên